

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
nhà nước Quý I năm 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân huyện công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2022, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện Quý I năm 2022 là 97.098 triệu đồng, đạt 30% dự toán tỉnh giao, 26% dự toán địa phương và giảm 25% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 94/CK-NSNN*).

1. Thu nội địa 97.098 triệu đồng, đạt 30% dự toán tỉnh giao, 26% dự toán địa phương, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2021.

Đầu năm 2022, một số khoản thu giảm so với cùng kỳ năm trước như thuế giá trị gia tăng khu vực DNNN do trung ương, địa phương quản lý, thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài. Một số khoản thu vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực DNNN do trung ương quản lý là 2.185 triệu đồng, đạt 1.366% dự toán địa phương, tăng 5.370% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu huy động đóng góp Quý I năm 2022 là 489 triệu đồng, tăng 123% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, với tình hình thu NSNN trên địa bàn như hiện nay, khả năng các khoản thu sẽ đạt được tiến độ thu NSNN của HĐND huyện giao.



III. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi NSDP thực hiện Quý I năm 2022 là 153.870 triệu đồng, đạt 30% dự toán, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 95/CK-NSNN*). Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 36.354 triệu đồng, đạt 39% dự toán.
2. Chi thường xuyên 94.467 triệu đồng, đạt 24% dự toán. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 54.292 triệu đồng, đạt 24% dự toán, Chi an ninh - quốc phòng là 3.032 triệu đồng, chi hoạt động kinh tế là 5.454 triệu đồng, chi quản lý nhà nước là 17.887 triệu đồng, chi đảm bảo xã hội là 3.904 triệu đồng.
3. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 23.049 triệu đồng, đạt 103% dự toán, trong đó, chi chương trình mục tiêu quốc gia 0 triệu đồng.

* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2022 được đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đặc biệt là các khoản chi đầu tư, chi thường xuyên, đảm bảo kịp thời kinh phí chi lương, chế độ chính sách cho các đối tượng chính sách trong dịp Tết Nguyên đán, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong các tháng đầu năm như hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi...

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2022 của huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP UBND huyện;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH-TT&TT huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng TC-KH;
- Lưu: VP HĐND&UBND huyện, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tú



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 100/BC-UBND, ngày 14/4/2022 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện Quý I/2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	513.510	179.810	35	86
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	183.905	44.654	24	79
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	329.605	127.000	39	100
III	Thu kết dư				
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		521		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		7.146		27
VI	Thu huy động đóng góp		489		
B	TỔNG CHI NSDP	513.510	153.870	30	98
I	Tổng chi cân đối NSDP	491.210	130.821	27	86
1	Chi đầu tư phát triển	94.240	36.354	39	75
2	Chi thường xuyên	389.183	94.467	24	92
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	7.787			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0		
1	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	0			
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0			
III	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	22.300	23.049	103	384
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 104/BC-UBND, ngày 14/4/2022 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý I/2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	372.900	97.098	26	75
I	Thu nội địa	372.900	97.098	26	75
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương, địa phương quản lý	98.660	29.304	30	94
	- Thuế giá trị gia tăng	37.700	9.692	26	73
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	160	2.185	1.366	5.470
	- Thuế tài nguyên	60.800	17.426	29	97
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29.235	38	0	0
	- Thuế giá trị gia tăng	90	0	0	0
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.145	37	0	0
	- Thuế tài nguyên	-	0		67
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	96.670	43.428	45	109
	- Thuế giá trị gia tăng	67.690	30.543	45	106
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.205	6.603	72	139
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	150	5	3	5
	- Thuế tài nguyên	19.625	6.277	32	103
4	Thuế thu nhập cá nhân	19.460	10.029	52	139
5	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
6	Lệ phí trước bạ	14.000	5.806	41	154
7	Thu phí, lệ phí	3.880	2.102	54	135
	- Phí và lệ phí trung ương	1.370	475	35	249
	- Phí và lệ phí tỉnh	480	314	65	177
	- Phí và lệ phí huyện, xã	2.030	1.313	65	111
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-		
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	1		
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.300	150	1	
11	Thu tiền sử dụng đất	77.500	4.879	6	22
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	11.020	375	3	20
15	Thu khác ngân sách	4.175	498	12	74
	Trong đó	-			
	- Thu khác NSTW	2.500	258	10	53
	- Thu khác ngân sách tỉnh	100	0	0	0
	- Thu khác ngân sách huyện, xã	1.575	239	15	178
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
17	Thu hồi vốn, thu cô tức				
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước				
20	Các khoản thu huy động đóng góp		489		223
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	183.905	44.654	24	79
1	Từ các khoản thu phân chia	88.800	32.337	36	111
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	95.105	12.317	13	45



THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND, ngày 16/4/2022 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện Quý I/2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	513.510	153.870	30	98
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	491.210	130.821	27	86
I	Chi đầu tư phát triển	94.240	36.354	39	75
II	Chi thường xuyên	389.183	94.467	24	92
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	224.942	54.292	24	96
2	Chi khoa học và công nghệ	300	5	2	0
3	Chi an ninh quốc phòng		3.032		96
4	Chi y tế, dân số và gia đình		5.551		
5	Chi văn hóa thông tin		488		95
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		496		73
7	Chi thể dục thể thao		99		93
8	Chi bảo vệ môi trường		307		90
9	Chi các hoạt động kinh tế		5.454		39
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		17.887		97
11	Chi bảo đảm xã hội		3.904		91
12	Chi thường xuyên khác		2.953		65
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	7.787			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	22.300	23.049	103	384
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	0	
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	-	-	0	
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	-	-	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	22.300	23.049	103	384
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN				